**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II- MÔN KHTN LỚP 7( 2023 – 2024)**

**. I.KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN KHTN LỚP 7**

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra cuối kì 2 khi kết thúc nội dung: Từ tuần 19 đến tuần 30

- Thời gian làm bài: 60 phút.

- Hình thức kiểm tra:Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

- Cấu trúc:

+ Mức độ đề:40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

+ Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm gồm 16 câu (Biết: 6 câu , hiểu: 8 câu , VD 2 câu ) , mỗi câu 0,25 điểm

+ Phần tự luận: 6,0 điểm ( Biết : 2,5điểm. hiêu: 1,0điểm, VD: 1,5 điểm, VDC: 1,0điểm)

**1. Ma trận**

| Chủ đề | MỨC ĐỘ | | | | | | | | Tổng số câu | | Điểm số |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | |
| Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 1.Sự phản xạ ánh sáng( 2 tiết) |  |  |  |  |  | 1  (0.25) |  |  |  | 1 | 0,25 |
| 2.Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng (3 tiết) |  |  |  |  |  | 1  (0.25) |  |  |  | 1 | 0,25 |
| 3.Nam châm ( 3tiết) | 1  (1 đ) |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |
| 4.Từ trường ( 3 tiết) |  |  | 1  (0,5 đ) | 2  (0,5 đ) |  |  |  |  | 1 | 2 | 1 |
| 5.Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học(3 tiết) |  | 1 (0,25đ) |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| 6. Phân tử -Đơn chất- Hợp chất( 4 tiết) |  |  |  |  | 1/3 (0,5đ) |  |  |  | 1/3 |  | 0,5 |
| .7. Giới thiệu về liên kết hóa học( 5 tiết) | 1/3 (0,5đ) | 1 (0,25đ) | 1/3 (0,5đ) | 1 (0,25đ) |  |  |  |  | 2/3 | 2 | 1,5 |
| .8.Hoá trị và công thức hoá học(1 tiết) |  |  |  | 1 (0,25đ) |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| 9.Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật (8 tiết) |  | 1  (0,25đ) |  | 2 (0,5đ) |  |  |  |  |  | 3 | 0,75 |
| 10. Cảm ứng ở sinh vật (5 tiết) | 1(1đ) |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,0 |
| 11.. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (7 tiết) |  |  |  | 2  (0,5đ) | 1  (1đ) |  |  |  | 1 | 2 | 1,5 |
| 12. Sinh sản ở sinh vật (4 tiết) |  | 3  (0,75đ) |  |  |  |  | 1  (1đ) |  | 1 | 3 | 1,75 |
| **Số câu** | **7/3** | **6** | **4/3** | **8** | **4/3** | **2** | **1** |  | **6** | **16** | **22** |
| **Số điểm** | **2,5** | **1,5** | **1,0** | **2,0** | **1,5** | **0,5** | **1** |  | **6,0** | **4,0** | **10,0** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10,0 điểm** | | **10,0 điểm** |
| **Tỉ lệ %** | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** | | |

**2.. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Mức độ | Yêu cầu cần đạt | | Số câu hỏi | | | Câu hỏi | |
| TL  (Số ý) | | TN  ( Số câu) | TL  (Số ý) | TN  ( Số câu) |
| **1. Ánh sáng** | | | | | | |  |  |
| Sự phản xạ ánh sáng | Nhận biết | ***Nhận biết***  - Nêu được các khái niệm: tia sáng tới, tia sáng phản xạ, pháp tuyến, góc tới, góc phản xạ, mặt phẳng tới, ảnh.  - Phát biểu được nội dung định luật phản xạ ánh sáng |  | |  | |  |  |
| Thông hiểu | Phân biệt được phản xạ và phản xạ khuếch tán. |  | |  | |  |  |
| Vân dụng | Vẽ được hình biểu diễn định luật phản xạ ánh sáng.  - Thực hiện được thí nghiệm rút ra định luật phản xạ ánh sáng.  - Vận dụng được định luật phản xạ ánh sáng trong một số trường hợp đơn giản. |  | | 1 | |  | C1 |
| **2, Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng** | | | | | | | | |
| Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng | Nhận biết | - Nêu được tính chất ảnh của vật tạo bởi gương phẳng | |  | |  |  |  |
| Thông hiểu | - Dựng được ảnh của vật qua gương phẳng | |  | |  |  |  |
| Vận dụng | - Vận dụng được định luật phản xạ trong một số trường hợp đơn giản  -Vận dụng được tính chất ảnh của vật qua gương phẳng để giải một số bài tập và tình huống thực tế có liên quan. | |  | | 1 |  | C2 |
| **3,Từ** | | | | | | | | |
| Nam châm | Nhận biết | - Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.  - Nêu được sự tương tác giữa các từ cực của hai nam châm. | | 1 | |  | C17 |  |
| Thông hiểu | - Mô tả được hiện tượng chứng tỏ nam châm vĩnh cửu có từ tính.  - Mô tả đư­ợc cấu tạo và hoạt động của la bàn. | |  | |  |  |  |
| Vận dụng | - Tiến hành thí nghiệm để nêu được:  + Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau;  + Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm).  - Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí. | |  | |  |  |  |
| Từ trường | Nhận biết | - Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường.  - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mạt sắt và nam châm.  - Nêu được khái niệm đường sức từ.  - Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường.  - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. | |  | |  |  |  |
| Thông hiểu | – Phân tích ví dụ cụ thể để rút ra được: công có giá trị bằng lực nhân với quãng đường dịch chuyển theo hướng của lực, công suất là tốc độ thực hiện công. | | 1 | | 2 | C18 | C3,4 |
| Vận dụng | - Tiến hành thí nghiệm để nêu được:  + Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau;  + Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm).  - Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí. | |  | |  |  |  |
| .**4.Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học** | | | | | | | | |
| Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học (3 tiết) | Nhận biết | Biết được cấu tạo của các nguyên tố kim loại, phi kim trong bảng tuần hoàn | |  | | 1 |  | C5 |
| **5. Phân tử - Liên kết hóa học** | | | | | | |  |  |
| Phân tử; đơn chất; hợp chất (4 tiết) | Nhận biết |  | |  | |  |  |  |
| Thông hiểu |  | |  | |  |  |  |
| Vân dụng thấp | Biết tính khối lượng phân tử hợp chất | | 1/3 | |  | C19(ý c) |  |
| Vận dụng cao |  | |  | |  |  |  |
| . Giới thiệu về liên kết hoá học( 5 tiết) | Nhận biết | Biết được thế nào là liên kết ion, liên kết cộng hoá trị | | 1/3 | | 1 | C19(ý a) | C8 |
| Thông hiểu | Hiểu được sự hình thành liên kết ion, sự hình thành liên kết cộng hoá trị trong phân tử hợp chất | | 1/3 | | 1 | C19(ý b) | C6 |
| Vân dụng thấp |  | |  | |  |  |  |
| Vận dụng cao |  | |  | |  |  |  |
| . Hoá trị và công thức hoá học( 1 tiết) | Nhận biết |  | |  | |  |  |  |
| Thông hiểu | Nắm được ý nghĩa của công thức hoá học | |  | | 1 |  | C7 |
| Vân dụng thấp |  | |  | |  |  |  |
| Vận dụng cao |  | |  | |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **6. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật** | | |  |  |  |  |
| - Vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng | Nhận biết | - Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  - Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể. |  | 1 |  | C13 |
| - Trao đổi  Trao đổi khí | Thông hiểu | - Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá.  - Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo của khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng.  - Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người) |  | 2 |  | C9,  C10 |
| **-** Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở sinh vật | Nhận biết | - Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.  + Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước;  + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; |  |  |  |  |
| Thông hiểu | - Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.  - Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật và động vật, cụ thể:  + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây;  + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống).  + Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người);  + Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);  + Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. |  |  |  |  |
| Vận dụng | - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá  - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). |  |  |  |  |
| Vận dụng cao | Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...) |  |  |  |  |
| **7. Cảm ứng ở sinh vật** | | |  |  |  |  |
| - Khái niệm cảm ứng  - Cảm ứng ở thực vật  - Cảm ứng ở động vật  - Tập tính ở động vật: khái niệm, ví dụ minh hoạ  - Vai trò cảm ứng đối với sinh vật | Nhận biết | - Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.  - Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật.  - Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật;  - Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật. | 1 |  | C20 |  |
| Thông hiểu | - Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc). |  |  |  |  |
| Vận dụng | - Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật).  - Lấy được ví dụ minh hoạ về tập tính ở động vật.  - Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt). |  |  |  |  |
| Vận dụng cao | Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật. |  |  |  |  |
| **8. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật** | | |  |  |  |  |
| - Khái niệm sinh trưởng và phát triển | Nhận biết | Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. |  |  |  |  |
| Thông hiểu | Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. |  | 2 | C11,  C12 |  |
| - Cơ chế sinh trưởng ở thực vật và động vật |
| Thông hiểu | Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng.  Vận dụng kiến thức mô tả đặc điểm thể hiện các dấu hiệu của sinhtrưởng và phát triển ở người. |  |  |  |  |
| - Các giai đoạn sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | Thông hiểu | - Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó. |  |  |  |  |
| - Các nhân tố ảnh hưởng | Thông hiểu | Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng). |  |  |  |  |
| - Điều hoà sinh trưởng và các phương pháp điều khiển sinh trưởng, phát triển | Thông hiểu | Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kính thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường). |  |  |  |  |
| Vận dụng cao: | - Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật.  - Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi). | 1 |  | C21 |  |
| **9. Sinh sản ở sinh vật** | | |  |  |  |  |
| - Khái niệm sinh sản ở sinh vật | Nhận biết | Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật. |  |  |  |  |
| - Sinh sản vô tính | Nhận biết | - Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.  - Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn. |  | 3 |  | C14,  C15  C16 |
| Thông hiểu | - Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.  - Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| Vận dụng | Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô). | 1 |  |  | C22 |

**II. ĐỀ KIỂM TRA:**

**I. TRẮC NGIỆM: (4,0 điểm) Chọn phương án trả lời đúng nhất cho các câu sau:**

**Câu 1**.Tia tới hợp với pháp tuyến 1 góc 400 thì góc tạo bởi tia tới và tia phản xạ có số đo bằng bao nhiêu?

A. 200 B. 400 C. 800 D. 900

**Câu 2.**Khoảng cách từ một điểm sáng S đến gương phẳng bằng 1m. Khoảng cách từ ảnh S’ của điểm sáng S đến điểm sáng S là:

A. 1m  B. 0,5m  C. 1,5m D. 2m

.4

**Câu 3**. Lực từ tác dụng lên kim nam châm đặt tại vị trí nào trên hình là mạnh nhất?

.1

.2

A. Vị trí 1. B. Vị trí 2.

**S**

**N**

C. Vị trí 3. D. Vị trí 4.

.3

**Câu 4:** Làm thế nào để nhận biết được tại một điểm trong không gian có từ trường?

A. Đặt ở điểm đó một sợi dây dẫn, dây bị nóng lên

B. Đặt ở đó một kim nam châm, kim bị lệch khỏi hướng Bắc – Nam.

C. Đặt ở đó các vụn giấy thì chúng bị hút về hai hướng Bắc – Nam

D. Đặt ở đó một kim bằng đồng, kim luôn chỉ hướng Bắc - Nam

**Câu 5**. [Phát biểu nào sau đây là **không** đúng?](https://vietjack.me/phat-bieu-nao-sau-day-la-dung-a-cac-nguyen-to-kim-loai-tap-trung-hau-h-109798.html)

[A. Bảng tuần hoàn gồm 3 chu kì nhỏ và 4 chu kì lớn.](https://vietjack.me/phat-bieu-nao-sau-day-khong-dung-a-bang-tuan-hoan-gom-3-chu-ki-nho-va-109795.html)

[B. Số thứ tự của chu kì bằng số electron lớp ngoài cùng của nguyên tử các nguyên tố thuộc chu kì đó.](https://vietjack.me/phat-bieu-nao-sau-day-khong-dung-a-bang-tuan-hoan-gom-3-chu-ki-nho-va-109795.html)

[C. Số thứ tự của chu kì bằng số lớp electron của nguyên tử các nguyên tố thuộc chu kì đó.](https://vietjack.me/phat-bieu-nao-sau-day-khong-dung-a-bang-tuan-hoan-gom-3-chu-ki-nho-va-109795.html)

[D. Các nguyên tố trong cùng chu kì được sắp xếp theo chiều điện tích hạt nhân tăng dần.](https://vietjack.me/phat-bieu-nao-sau-day-khong-dung-a-bang-tuan-hoan-gom-3-chu-ki-nho-va-109795.html)

**Câu 6.** Chất nào sau đây có liên kết cộng hoá trị?

A. Potassium chloride B**.** Muối ăn

C. Nitrogen D. Magnesium oxide

**Câu 7.** Sulfuric acid có công thức hoá học H2SO4. Phát biểu nào sau đây sai?

1. Phân tử sulfuric acid có 7 nguyên tử.
2. Sulfuric acid là một hợp chất.
3. Phân tử sulfuric acid có 3 loại nguyên tố.
4. Phân tử sulfuric acid có 1 phân tử H2, 1 nguyên tử S và 4 nguyên tử O liên kết với nhau.

**Câu 8.** [Trong phân tử KCl, nguyên tử K (potassium) và nguyên tử Cl (chlorine) liên kết với nhau bằng liên kết](https://tailieumoi.vn/bai-viet/31521/trong-phan-tu-kcl-nguyen-tu-k-kali-va-nguyen-tu-cl-chlorine-lien-ket-voi-nhau):

A. cộng hóa trị. B. ion. C. kim loại. D. phi kim.

**Câu 9.** Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng có vai trò quan trọng đối với:

A. sự chuyển hoá của sinh vật. B. sự biến đổi các chất.

C. sự trao đổi năng lượng. D. sự sống của sinh vật.

**Câu 10.** Con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa ở người:

A. nghiền nát – tiếp nhận thức ăn – chuyển hóa dinh dưỡng – đào thải.

B. tiếp nhận thức ăn –nghiền nát –chuyển hóa dinh dưỡng– đào thải.

C. chuyển hóa dinh dưỡng – tiếp nhận thức ăn – nghiền nát – đào thải.

D. tiếp nhận thức ăn – chuyển hóa dinh dưỡng– nghiền nát – đào thải.

**Câu 11.**Phát triển bao gồm:

A. sinh trưởng, phát sinh hình thái cơ quan và cơ thể.

B. sinh trưởng, phân hóa tế bào.

C. sinh trưởng, phân hóa tế bào, phát sinh hình thái cơ quan và cơ thể.

D. sinh trưởng, phân hóa tế bào, phát triển hình thái cơ quan và cơ thể.

**Câu 12:** Mô phân sinh đỉnh giúp thân, cành và rễ tăng lên về :

A. chiều dài. B. chiều rộng. C. khối lượng. D. trọng lượng.

**Câu 13.**Còi xương, chậm lớn ở động vật và người do thiếu :

A. vitamin C. B. vitamin D. C. vitamin A. D. vitamin E.

**Câu 14.** Hình thức sinh sản nào sau đây là sinh sản vô tính ?

A. Đẻ trứng. B. Đẻ con.C. Phân đôi cơ thể. D. Đẻ trứng và đẻ con.

**Câu 15.** Phương pháp nhân giống cây trồng nào sau đây cho ra số cây giống nhanh, đồng loạt, số lượng lớn, giá thành rẻ?

A. Giâm cành. B. Chiết cành.

C. Ghép cây. D. Nhân giống vô tính trong ống nghiệm.

**Câu 16.** Các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật gồm:

A. Sinh sản sinh dưỡng và sinh sản bào tử. B. Sinh sản bằng hạt và sinh sản bằng chồi.

C. Sinh sản bằng rễ và bằng thân và bằng lá. D. Sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.

**II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 17. ( 1,0 điểm)** .Em hãy trình bày tính chất của nam châm và sự tương tác của 2 nam châm.

**Câu 18. ( 0,5 điểm)** Hãy xác định chiều đường sức từ và 2 cực của nam châm trên hình sau:

**Câu 19.** **(1,5 điểm)**

a.Thế nào là liên kết cộng hoá trị? **( 0,5đ)**

b.[Hãy vẽ sơ đồ biểu diễn sự hình thành liên kết cộng hóa trị trong phân tử Carbon dioxide (CO2) sử dụng các dấu chấm để biểu diễn các electron:](https://tailieumoi.vn/bai-viet/31526/hay-ve-so-do-bieu-dien-su-hinh-thanh-lien-ket-cong-hoa-tri-trong-cac-phan-tu)**( 0,5đ)**

c.Tính khối lượng của phân tử Carbon dioxide**. ( 0,5đ)**

**Biết:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nguyên tố | C | O |
| Số Proton | 6 | 8 |
| Nguyên tử khối | 12 | 16 |

**Câu 20 (1,0 điểm).** Nêu khái niệm về tập tính của động vật? Cho 2 ví dụ về tập tính?

**Câu 21 (1,0 điểm)**. Nếu em là chủ một trang trại nuôi lợn lấy thịt, em sẽ làm gì để lợn lớn nhanh cho năng suất và chất lượng cao?

**Câu 22. (1,0 điểm).** Để khôi phục các loài thực vật quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng, phương pháp nhân giống nào được sử dụng có hiệu quả nhất? Vì sao?

**III. HƯỚNG DẪN CHẤM KHTN 7- CUỐI HKII**

**( 2023 -2024)**

**I.TRẮC NGIỆM:(4 điểm)**

(Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | D | D | B | B | B | C | D | B | D | B | C | A | B | C | D | A |

**II. TỰ LUẬN:(6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Biểu điểm** |
| **Câu 17**(1điểm) | * Nam châm hút được sắt và hợp kim của sắt * Nam châm treo tự do trên sợi dây mảnh hay kim nam châm đặt trên trục luôn định theo phương Bắc - Nam địa lý   Một cực của nam châm hướng về phía Bắc địa lí được gọi là từ cực Bắc( N), cực kia hướng về phía Nam địa lí được gọi là từ cực Nam( S).   * Hai nam châm đặt gần nhau thì tương tác lẫn nhau :   + 2 từ cực cùng tên thì đẩy nhau  + 2 từ cực khác tên thì hút nhau | 0,25đ  0,25đ    0,25đ  0,25đ |
| **Câu 18**  (0,5điểm) | * Xác định đúng chiều đường sức từ * Xác định đúng 2 cực nam châm | 0,25đ  0,25đ |
| **Câu 19**  (1,5điểm) | a.Liên kết cộng hoá trị là liên kết được tạo nên giữa hai nguyên tử bằng một hay nhiều cặp electron dùng chung.  b. Biểu diễn sự hình thành liên kết cộng hoá trị trong phân tử Carbon dioxide  SBT Khoa học tự nhiên 7 Bài 6: Giới thiệu về liên kết hóa học - Kết nối tri thức (ảnh 1)  c. - Khối lượng phân tử CO2:M = 12 + 16.2 = 44( amu). | 0,5  0,5  0,5 |
| **Câu 20**  (1,0 điểm) | - Tập tính là một chuỗi những phản ứng trả lời các kích thích đến từ môi trường bên trong hoặc bên ngoài cơ thể, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển.  - HS cho 2 ví dụ đúng | 0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu 21**  (1,0 điểm) | * Làm chuồng theo hướng đông nam để đảm bảo mùa đông ấm, mùa hè mát * Thường xuyên vệ sinh chuồng trại * Cho ăn uống đầy đủ * Sử dụng chất kích thích sinh trưởng nhưng phải tuân thủ nguyên tắc để đảm bảo an toàn cho người sử dụng | 0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| **Câu 22**  (1,0điểm) | - Để khôi phục các loài thực vật quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng , phương pháp nhân giống hiệu quả nhất là nuôi cấy mô.  - Vì phương pháp này đảm bảo được các tính trạng mong muốn, nhân nhanh với số lượng lớn trong thời gian ngắn, cây con tạo ra sạch bệnh. | 0,5 điểm  0,5 điểm |